

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HS-ST

Ngày: 28 - 11 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Vũ Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Hà Thị Vũ,

Bà Đỗ Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Lan Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: ông Lê Thanh Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lù Thị D, sinh ngày 14/11/1979, tại huyện N, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: bản Chợ, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lù Văn O, sinh năm 1957 và bà Điều Thị D1, sinh năm 1958; Bị cáo có chồng Lò Văn T1, sinh năm 1979 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án: không, tiền sự: không; Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/5/2024, bị tạm giam từ ngày 31/5/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Điều Văn T, sinh ngày 28/10/1982, tại thị xã M, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: bản H, phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Điều Văn P, sinh năm 1962 và bà Chu Thị Đ, sinh năm 1962; bị cáo có vợ là Mào Thị H, sinh năm 1983 và có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án: 02 tiền án (Năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 22/3/2021 chấp hành xong hình phạt; ngày 21/11/2022, bị Tòa án nhân dân thị xã M xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 13/10/2023 chấp hành xong hình phạt), tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên xử phạt 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất

ma túy, chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích; Bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/5/2024, bị tạm giam từ ngày 14/5/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Điều Văn T2, sinh ngày 16/4/1986, tại thị xã M, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: bản L, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Điều Văn H1 (Đã chết) và bà Lò Thị C, sinh năm 1962; Bị cáo có vợ là Điều Thị N và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền án: không, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 28/11/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên xử phạt 32 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, ngày 21/01/2021 chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích; Bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/5/2024, bị tạm giam từ ngày 14/5/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Thị D*: ông Nguyễn Trần D1, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Him Lam và cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên tòa.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 05/5/2024, Điều Văn T, sinh năm 1982, cư trú tại bản H, phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên nhắn tin qua ứng dụng Zalo cho Điều Văn T2, sinh năm 1986, cư trú tại bản L, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu đặt vấn đề mua 06 gói Heroine với giá thỏa thuận là 100.000 đồng/01 gói. T2 đồng ý và hẹn T địa điểm giao dịch mua bán ma túy ở phía sau nhà T2. T mang theo số tiền 600.000 đồng rồi điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 37N1-7133 đi mua ma túy về sử dụng. Đến chỗ hẹn T đưa cho T2 600.000 đồng, gồm 03 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, T2 nhận tiền rồi đưa cho T 01 gói nilon màu trắng bên trong có 06 gói Heroine được bọc bằng nilon màu xanh. T cầm 06 gói Heroine điều khiển xe máy đi về, đi được khoảng 02km, T vào bụi cây ven đường lấy 01 gói Heroine ra sử dụng bằng hình thức hít. Khoảng 10 giờ 50 phút cùng ngày T cầm 05 gói Heroine còn lại ở tay phải điều khiển xe máy đi về, trên đường về đến khu vực Km90+700 Quốc lộ 12 thuộc địa phận tổ dân phố 03, phường Sông Đà, thị xã M, tỉnh Điện Biên thì T bị Công an thị xã M phát hiện bắt quả tang, thu giữ 05 gói Heroine có khối lượng 0,24 gam.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Điều Văn T2. Kết quả thu giữ được 1.150.000 đồng, trong đó có 550.000 đồng là tiền do T2 làm thuê tích góp được và 600.000 đồng do T2 bán ma túy cho Điều Văn T mà có. Ngay sau đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M tiến hành bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Điều Văn T2.

Ngày 21/5/2024, Điều Văn T2 khai nhận nguồn gốc số Heroine trên là do T2 mua của Lù Thị D, sinh năm 1979, cư trú tại bản Chợ, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu được 05 phân Heroine, với giá là 1.750.000 đồng vào ngày 04/5/2024, nhưng T2 mới trả cho D 1.250.000 đồng còn nợ lại 500.000 đồng. Ngoài ra, vào ngày 30/4/2024, T2 còn mua của D 04 phân Heroine với giá 1.400.000 đồng và ngày 03/5/2024 mua 05 phân Heroine với giá 1.750.000 đồng, hai lần này T2 đã trả hết tiền cho D và những lần T2 mua ma túy của D đều diễn ra tại nhà em gái của D tên là Lù Thị T3, nhà T3 cùng bản với D và cách nhà D khoảng 200 mét.

Ngày 22/5/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lù Thị D và chỗ ở của Lù Thị T3. Kết quả thu giữ tại nhà D 04 gói Heroine và tại nhà T3 03 gói Heroine có tổng khối lượng 79,98 gam, 01 con dao nhọn dài khoảng 20cm, 01 hộp bằng gỗ dài khoảng 30cm bên trong đựng 01 cân tiểu ly.

Lù Thị D thừa nhận toàn bộ số Heroine bán cho Điều Văn T2 và số Heroine thu giữ tại nhà D và tại nhà T3 là của D, nguồn gốc số Heroine này do D mua của một người đàn ông tên là Hải tại cột điện cách cầu Lai Hà khoảng 01km về phía thị xã M, tỉnh Điện Biên được khoảng 30 chỉ Heroine với giá 37.000.000 đồng, trong đó D đã trả cho Hải 17.000.000 đồng và đang nợ lại 20.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 775/KL-PC09 ngày 10/5/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên kết luận: *Vật chứng thu giữ của Điều Văn T có khối lượng 0,24 gam là chất ma túy: Loại Heroin (Heroine).*

Tại bản Kết luận giám định số 851/KL-PC09 ngày 25/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên kết luận: *Vật chứng thu giữ của Lù Thị D có khối lượng 79,98 gam là chất ma túy: Loại Heroin (Heroine).*

Bản Cáo trạng số 83/CT-VKS-P1 ngày 10/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố Lù Thị D để xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Truy tố Điều Văn T2 để xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Truy tố Điều Văn T để xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội D bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lù Thị D, Điều Văn T2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bị cáo Điều Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị HĐXX:

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lù Thị D mức án từ 17 năm đến 18 năm tù;

- Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Điều Văn T mức án từ 05 năm đến 06 năm tù;

- Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Điều Văn T2 mức án từ 07 năm đến 08 năm tù;

- Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249, khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lù Thị D, Điều Văn T2, Điều Văn T.

* Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, để xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 78,05 gam Heroine còn lại sau khi trích mẫu gửi giám định;

+ 01 dao nhọn dài khoảng 20cm đã qua sử dụng, cán dao và vỏ bằng nhựa màu hồng, lưỡi dao bằng kim loại bề rộng khoảng 2,5cm, trên dao có khắc chữ GGOMI, thu giữ tại nhà Lù Thị D; 01 hộp gỗ dài khoảng 30cm, bên trong chứa 01 cân tiểu li cán bằng nhựa trắng dài khoảng 25cm, đế và quả cân bằng kim loại, cân đã qua sử dụng thu giữ tại nhà Lù Thị D.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) do bị cáo T2 bán ma túy cho bị cáo T mà có.

+ 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO màu xám tím có màn hình cảm ứng, IMEI 1: 862774062810590; IMEI 2: 862774062810582, bên trong có gắn 02 thuê bao 0349006125 và 0352245765, điện thoại thu giữ của Lù Thị D.

+ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Realme màu xanh da trời, máy có màn hình cảm ứng đã qua sử dụng màn hình bị nứt vỡ, xung quanh máy bị tróc sơn, IMEI 1: 867470040951912, IMEI 2: 867470040951904, trên máy gắn sim thuê bao 0384745092 thu giữ của Điều Văn T2.

+ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Realme C11 2021 màu xám, máy có màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, màn hình bị nứt vỡ, xung quanh máy bị tróc sơn, IMEI 1: 869150055868973; IMEI 2: 869150055868965, thu giữ của Điều Văn T.

* Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 4.400.000 đồng (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) là tiền bị cáo D đã bán ma túy cho bị cáo T2 mà có.

* Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo Lù Thị D, Điều Văn T2, Điều Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa bị cáo Lù Thị D không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và Điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo phạm tội, điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo không có thu nhập ổn định, bản thân bị cáo nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành

vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình và xã hội. Do bị cáo là người dân tộc thiểu số, bản thân bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như hình phạt.

Thực hiện lời nói sau cùng các bị cáo trình bày, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân nhận thức pháp luật còn hạn chế, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra được ghi nhận tại biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Do có ý định bán lẻ ma túy để tìm kiếm lợi nhuận, Lù Thị D đã mua được khoảng 30 chỉ Heroine với giá 37.000.000 đồng từ một người đàn ông tên Hải tại khu vực cột điện đôi cách cầu Lai Hà khoảng 01km về phía thị xã M, tỉnh Điện Biên. D đã trả cho Hải 17.000.000 đồng và nợ lại 20.000.000 đồng. Trong khoảng thời gian từ ngày 30/4/2024 đến ngày 04/5/2024, D đã bán ma túy cho Điều Văn T2 03 lần, cụ thể:

Lần 01: Ngày 30/4/2024 D dùng cân tiểu ly để cân 04 phân Heroine để bán cho T2 với giá 1.400.000 đồng tại quán bánh cuốn của D (nhà của chị Lù Thị T3).

Lần 02: Khoảng 17 giờ, ngày 03/5/2024, D về nhà dùng cân tiểu ly cân lấy 05 phân Heroine gói vào trong mảnh nilon màu đỏ và bán cho T2 với giá tiền 1.750.000 đồng tại quán bánh cuốn của D.

Lần 03: Khoảng 18 giờ, ngày 04/5/2024, D về nhà dùng cân tiểu ly cân lấy 05 phân Heroine cho vào mảnh nilon màu đỏ và bán cho T2 với giá 1.750.000 đồng tại đường trước cửa quán bánh cuốn nhà D. Do T2 không mang đủ tiền nên T2 đưa cho D 1.250.000 đồng, xin nợ lại 500.000 đồng, T2 nói sau khi về nhà sẽ chuyển khoản cho D sau.

Sau khi mua được ma túy từ Lù Thị D, Điều Văn T2 đã mang ma túy về với mục đích sử dụng và bán lẻ kiếm lợi nhuận. Khoảng 10 giờ ngày 05/5/2024, Điều Văn T2 đã bán cho Điều Văn T 06 gói Heroine với giá 600.000 đồng. T cầm 06

gói Heroine điều khiển xe máy đi về, đi được khoảng 02Km T vào bụi cây ven đường lấy 01 gói Heroine ra sử dụng bằng hình thức hít. Khoảng 10 giờ 50 phút cùng ngày, T cầm 05 gói Heroine còn lại ở tay phải điều khiển xe máy đi về, trên đường đi về đến khu vực Km90+700 Quốc lộ 12 thuộc địa phận tổ dân phố 03, phường Sông Đà, thị xã M, tỉnh Điện Biên thì bị Công an thị xã M phát hiện bắt quả tang, thu giữ 05 gói Heroine với tổng khối lượng 0,24gam.

Cơ quan điều tra đã bắt giữ Điều Văn T2, Lù Thị D và tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở. Qua khám xét, cơ quan điều tra thu giữ của Điều Văn T2 số tiền 1.150.000 đồng (trong đó 550.000 đồng là tiền do T2 làm thuê tích góp được, 600.000 đồng là tiền do T2 bán ma túy cho T mà có). Cơ quan điều tra thu giữ của Lù Thị D 07 gói Heroine có khối lượng 79,98 gam.

Từ hành vi phạm tội trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lù Thị D, Điều Văn T2 đã thực hiện hành vi Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Điều Văn T đã thực hiện hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Lù Thị D, Điều Văn T2 đã thực hiện hành vi mua bán trái phép 14 phân ma túy Heroine, căn cứ quy định tại phụ lục 1 của Nghị định số 134/2007/NĐ-CP ngày 15/8/2007 của Chính phủ, 01 phân ma túy có khối lượng là 0,375 gam, như vậy, tổng khối lượng ma túy các bị cáo Lù Thị D, Điều Văn T2 thực hiện hành vi mua bán như sau:

+ Bị cáo Lù Thị D thực hiện hành vi mua bán ma túy với tổng khối lượng là: 79,98 gam + (14 phân x 0,375 gam) = 85,23 gam.

+ Bị cáo Điều Văn T2 thực hiện hành vi mua bán ma túy với tổng khối lượng là: 14 phân x 0,375 gam = 5,25 gam.

Bị cáo Lù Thị D đã có hành vi mua bán 85,23 gam Heroine với mục đích tìm kiếm lợi nhuận, hành vi của bị cáo Lù Thị D đã cấu thành tình tiết định khung được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Điều Văn T2 đã có hành vi mua bán 5,25 gam Heroine, hành vi của bị cáo T2 đã cấu thành tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Điều Văn T có hành vi tàng trữ 0,24 gam Heroine với mục đích sử dụng, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý, do đó, hành vi của bị cáo đã cấu thành tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố đối với các bị cáo Lù Thị D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Điều Văn T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Điều Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng

người, đúng tội, đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan sai. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo:

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác, ma túy còn là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Nguyên nhân, động cơ, mục đích các bị cáo Lù Thị D, Điều Văn T2 thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ việc các bị cáo háo hĩnh từ việc mua bán ma túy. Đối với bị cáo Điều Văn T xuất phát từ nguyên nhân, động cơ, mục đích mua ma túy về sử dụng.

Xét về vai trò phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: bị cáo D là người bán ma túy cho bị cáo T2 để kiếm lời, bị cáo T2 đã bán ma túy cho bị cáo T để T sử dụng cho bản thân. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội độc lập với nhau, không có sự bàn bạc, thống nhất, không cùng một mục đích. Hành vi phạm tội của các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, không đủ căn cứ để xác định các bị cáo đồng phạm theo quy định tại Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lù Thị D, Điều Văn T2 là không có căn cứ.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lù Thị D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về nhân thân: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại huyện N, tỉnh Lai Châu. Gia đình nuôi ăn học hết lớp 04/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Điều Văn T2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về nhân thân: Ngày 28/11/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên xử phạt 32 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 21/01/2021, bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù. Bị cáo đã được xóa án tích. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Điều Văn T, ngày 04/7/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Nậm Pồ xử phạt 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 20/9/2016, chấp hành xong án phạt tù. Bị cáo đã được xóa án tích. Năm 2019, bị Tòa án nhân dân huyện Mường Chà xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 22/3/2021 chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích. Ngày 21/11/2022, Tòa án nhân dân thị xã M xử phạt 01 năm 03 tháng tù. Ngày 13/10/2023, chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích. Như vậy, bị cáo T đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại

thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, đây là tình tiết định khung tăng nặng tái phạm nguy hiểm. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính:

Từ các phân tích tại các đoạn [1], [2], [3], các bị cáo Lù Thị D, Điều Văn T2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo Điều Văn T đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, đây là tình tiết định khung tăng nặng. Hội đồng xét xử thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, hình phạt vừa mang tính răn đe, giáo dục vừa thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội đã ăn năn, hối cải.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về hình phạt chính đối với các bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo Lù Thị D về đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo khi quyết định hình phạt là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự:

“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của các bị cáo là làm ruộng, lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 của các Điều 249 và Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Do vậy đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và của người bào chữa cho bị cáo Lù Thị D là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về khoản tiền thu lợi bất chính của các bị cáo:

Bị cáo Lù Thị D đã hưởng lợi từ việc mua bán ma túy số tiền là 4.400.000 đồng. Số tiền trên bị cáo D đã chi tiêu cá nhân hết. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, bị cáo D phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy số tiền 4.400.000 đồng (bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Bị cáo Điều Văn T2 được hưởng lợi từ việc mua bán ma túy số tiền là 600.000 đồng, quá trình khám xét khẩn cấp nơi ở của T2, cơ quan điều tra đã thu được số tiền trên. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền trên.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thị xã M, Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Điện Biên, Kiểm sát

viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về vật chứng vụ án: Theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 1, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, vật chứng đã thu giữ của các bị cáo cần xử lý như sau:

- Đối với 78,05 gam Heroine còn lại sau khi trích mẫu gửi giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 hộp gỗ dài khoảng 30cm, bên trong chứa 01 cân tiểu li cán bằng nhựa trắng dài khoảng 25cm, đế và quả cân bằng kim loại, cân đã qua sử dụng thu giữ tại nhà Lò Thị D; 01 dao nhọn dài khoảng 20cm đã qua sử dụng, cán dao và vỏ bằng nhựa màu hồng lưỡi dao bằng kim loại bề rộng khoảng 2,5cm, trên dao có khắc chữ GGOMI, thu giữ tại nhà Lò Thị D, túi nilon đựng ma túy thu giữ của Lò Thị D, túi nilon đựng ma túy thu giữ của Điều Văn T là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xám tím có màn hình cảm ứng, IMEI 1: 862774062810590; IMEI 2: 862774062810582, bên trong có gắn 02 thuê bao 0349006125 và 0352245765, thu giữ của Lò Thị D; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Realme C11 2021 màu xám, máy có màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, màn hình bị nứt vỡ, xung quanh máy bị tróc sơn, IMEI 1: 869150055868973, IMEI 2: 869150055868965, thu giữ của Điều Văn T; 01 điện thoại di động Realme màu xanh da trời, máy có màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, màn hình bị nứt vỡ, xung quanh máy bị tróc sơn, IMEI 1: 867470040951912; IMEI 2: 867470040951904, trên máy có gắn sim thuê bao 0384745092 thu giữ của Điều Văn T2 là phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi mua bán ma túy, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 600.000 đồng thu giữ của bị cáo Điều Văn T2, đây là khoản tiền bị cáo T2 thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy với bị cáo Điều Văn T cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lò Thị D, Điều Văn T2, Điều Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông tên Hải bán ma túy cho bị cáo Lò Thị D, bị cáo D không biết rõ nhân thân, lai lịch của người này cơ quan điều tra không có căn cứ

để điều tra, xác minh làm rõ nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết trong vụ án.

Đối với Lò Thị T3, do T3 thường xuyên đi làm xa, nên nhờ Lò Thị D trông coi nhà giúp T3. Do T3 không biết số Heroine cơ quan điều tra thu giữ tại nhà T3 là của ai, nên không có đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lò Thị T3. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249, điểm i khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Lò Thị D, Điêu Văn T2 đều phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Bị cáo Điêu Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Thị D 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/5/2024.

2.2. Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Điêu Văn T2 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/5/2024.

2.3. Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Điêu Văn T 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/5/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 1, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 01 phong bì niêm phong là phong bì công văn của Công an thị xã M. Mặt trước phong bì niêm phong ghi chữ viết tay: Niêm phong lại phong bì niêm phong, túi nilon đựng ma túy thu giữ của Lò Thị D sinh năm 1979 trú tại bản Chợ, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu. Mặt sau có chữ ký, họ tên của Trần Trung Hiếu, Hoàng Văn Hải, Dương Xuân Đạt, Hoàng Văn Xuân, Khoàng Văn Mừng, Lò Thị D và hình dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an thị xã M.

- 01 Phong bì niêm phong là phong bì phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên. Mặt trước phong bì niêm phong ghi chữ viết tay: Mẫu vật hoàn lại theo Kết luận giám định số: 851/KL-KTHS ngày 25/5/2024 của phòng KTHS - CAT Điện Biên. Bên trong phong bì là 07 túi nilon chứa Heroine có tổng khối lượng 77,93 gam. Mặt sau có chữ ký, họ tên của Nguyễn Thúy Mai, Bùi Văn Sơn và 02 hình dấu của phòng KTHS Công an tỉnh Điện Biên.

- 01 phong bì niêm phong là phong bì phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên. Mặt trước phong bì niêm phong ghi chữ viết tay: Mẫu vật hoàn lại theo Kết luận giám định số: 775/KL-KTHS ngày 10/5/2024 của Phòng KTHS-CAT Điện Biên. Bên trong phong bì là 05 túi nilon chứa Heroine có tổng khối lượng 0,12 gam. Mặt sau có chữ ký, họ tên của Hoàng Xuân Liễu, Hoàng Văn Hải và 02 hình dấu của phòng KTHS Công an tỉnh Điện Biên.

- 01 hộp gỗ dài khoảng 30cm, bên trong chứa 01 cân tiểu li cán bằng nhựa trắng dài khoảng 25cm, đế và quả cân bằng kim loại, cân đã qua sử dụng thu giữ tại nhà Lò Thị D.

- 01 dao nhọn dài khoảng 20cm đã sử dụng, cán dao và vỏ bằng nhựa màu hồng, lưỡi dao bằng kim loại bề rộng khoảng 2,5cm, trên dao có khắc chữ GGOMI. Thu giữ tại nhà Lò Thị D.

- 01 phong bì niêm phong là phong bì công văn của Công an thị xã M. Mặt trước phong bì niêm phong ghi chữ viết tay: Niêm phong lại phong bì niêm phong, túi nilon đựng ma túy thu giữ của Điều Văn T sinh năm 1986 trú tại bản H, phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên. Mặt sau có chữ ký, họ tên của Trần Trung Hiếu, Dương Xuân Đạt, Nguyễn Thị Lan Anh, Đoàn Duy Quân, Điều Văn T và hình dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an thị xã M.

*** Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:**

- Số tiền 600.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam được niêm phong trong 01 phong bì niêm phong là phong bì phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên. Mặt trước phong bì niêm phong in chữ: Hoàn trả mẫu vật giám định 600.000đ gồm 03 tờ tiền vụ Điều Văn T2, sinh năm 1986, thường trú tại: bản L, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Mặt sau có chữ ký, họ tên của Nguyễn Thành Đạt, Bùi Văn Sơn và 02 hình dấu của phòng KTHS Công an tỉnh Điện Biên.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xám tím có màn hình cảm ứng, IMEI 1: 86277406281590; IMEI 2: 862774062810582, bên trong có gắn 02 thuê bao 0349006125 và 0352245765. Điện thoại đã qua sử dụng thu giữ của Lò Thị D.

- 01 điện thoại di động hiệu Realme C11 2021 màu xám, máy có màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, màn hình bị nứt vỡ, xung quanh máy bị tróc sơn, IMEI 1: 869150055868973, IMEI 2: 869150055868965, thu giữ của Điều Văn T.

- 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xanh da trời, máy có màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, màn hình bị nứt vỡ, xung quanh máy bị tróc sơn, IMEI 1: 867470040951912, IMEI 2: 867470040951904, trên máy gắn sim thuê bao 0384745092 thu giữ của Điều Văn T2.

(Theo Biên bản bàn giao, nhận vật chứng ngày 11/10/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên).

*** Truy thu, nộp ngân sách nhà nước:** áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự: buộc bị cáo Lò Thị D phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 4.400.000 đồng (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) do phạm tội mà có.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lù Thị D, Điều Văn T2, Điều Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 28/11/2024).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên (PC 04);
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, Tòa án nhân dân Tối cao;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thanh Thủy